TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2026/HNGĐ-ST
Ngày 03-7-2026
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trường Hận

2. Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Bà Liêu Thị Hương Linh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau: Bà Trần Mỹ Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 210/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2026 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2026/QĐXX-ST ngày 17 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **La Ngọc B**, sinh ngày 01/01/1977. Số CCCD: 095177006627. Địa chỉ: Số F, Khóm H, phường V, tỉnh Cà Mau.
- Bị đơn: Ông **Thái Hồng S**, sinh ngày 01/01/1970. Số CCCD: 095070013277. Địa chỉ: Số F, Khóm H, phường V, tỉnh Cà Mau.

(Bà B, ông S có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà La Ngọc B trình bày:

- Về hôn nhân: Bà B xác định bà và ông Thái Hồng S tiến tới hôn nhân hoàn toàn tự nguyện vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian sau vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn chủ yếu về tình cảm, ông S tính tình nóng nảy, đánh đập bà, nhiều lần bà đã bỏ qua cho ông S, ông S nhiều lần hứ sửa đổi nhưng ông S vẫn không thay đổi được. Vợ chồng đã sống ly

thân từ khoảng tháng 5/2026 cho đến nay. Nay bà B thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông S.

- **Về con chung:** Bà La Ngọc B xác định vợ chồng có 02 người con chung tên anh Thái Thành G, sinh ngày 23/01/1995 và chị Thái Thị Cẩm T, sinh ngày 25/01/1997. Hiện nay 02 con chung đủ tuổi trưởng thành, không bị nhược điểm về tinh thần, thể chất nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

- **Về tài sản chung:** Bà La Ngọc B xác định tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Bà La Ngọc B xác định vợ chồng không có nợ tài sản gì của ai và không ai nợ tài sản gì của vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Thái Hồng S trình bày:* Ông thống nhất với trình bày của bà B về thời gian chung sống và vợ chồng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, quá trình chung sống ông thừa nhận là do tính tình ông nóng nảy nên đôi khi có đánh vợ ông. Nay bà B yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý, ông đã biết lỗi của mình, ông hứa sẽ sửa đổi không đánh bà B nữa và ông muốn được hàn gắn tình cảm với bà B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung ông thống nhất với trình bày của bà B, không có ý kiến khác.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Cà Mau phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử về hôn nhân: Không công nhận bà B và ông S là vợ chồng. Về con chung: Bà B và ông S có 02 người con chung tên anh Thái Thành G, sinh ngày 23/01/1995 và chị Thái Thị Cẩm T, sinh ngày 25/01/1997, các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường, không bị nhược điểm về tinh thần, thể chất, bà B và ông S không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về tài sản chung: Bà B và ông S thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Về nợ chung: Bà B và ông S xác định không có nợ chung không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Về án phí: Bà B phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà La Ngọc B yêu cầu ly hôn với ông Thái Hồng S, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Thái H Sáng cư trú tại Khóm H, phường

V, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025 và Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông S tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật được hai bên đương sự thừa nhận nên đây là sự kiện, tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và đình: *"Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý"* và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và đình: *"Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và đình quy định: "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*". Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà B, tuyên bố không công nhận bà B và ông S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà La Ngọc B và ông Thái Hồng S thống nhất xác định quá trình chung sống ông bà có 02 người con chung tên Thái Thành G, sinh ngày 23/01/1995 và Thái Thị Cẩm T, sinh ngày 25/01/1997, các con chung đã trưởng thành và phát triển bình thường không bị nhược điểm về tinh thần, thể chất, bà B và ông S không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà La Ngọc B và ông Thái Hồng S thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà La Ngọc B và ông Thái Hồng S xác định không có nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà La Ngọc B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

- Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và đình;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà La Ngọc B và ông Thái Hồng S là vợ chồng.

2. Về con chung: Bà La Ngọc B và ông Thái Hồng S thống nhất xác định quá trình chung sống ông bà có 02 người con chung tên anh Thái Thành G, sinh ngày 23/01/1995 và chị Thái Thị Cẩm T, sinh ngày 25/01/1997, các con đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường, không bị nhược điểm về tinh thần, thể chất. Bà B và ông S không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà La Ngọc B và ông Thái Hồng S thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà La Ngọc B và ông Thái Hồng S xác định không có nợ chung không yêu cầu xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà La Ngọc B phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), bà B đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006150 ngày 15/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Kiều Thảo

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu HS.